

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

Địa chỉ: 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

Mã số thuế: 3 6 0 0 2 5 4 5 4 8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Được kiểm toán bởi : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KSI VIỆT NAM**

Địa chỉ: 16 Trà Khúc, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 35 471 242

Fax: (84-8) 35 471 450

Website: www.ksi.com.vn

Email: audit@ksi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

Địa chỉ: 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

Địa chỉ: 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Điện Tử Biên Hòa (gọi tắt là Công ty) trân trọng trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Khái quát Công ty

Công ty Cổ phần Điện Tử Biên Hòa (Công ty) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002784 ngày 21/10/2004 và chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600254548 thay đổi lần thứ 7 ngày 20/05/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp. Công ty được chuyển thể từ DNNN Công ty Điện Tử Biên Hòa, ĐKKD số 102722 do Trọng tài kinh tế Tp.HCM cấp ngày 31/05/1993.

Vốn điều lệ của công ty đăng ký là 60.000.000.000 đồng tương đương 600.000 cổ phiếu (Mệnh giá: 100.000 đồng/ 1 cổ phiếu). Tại thời điểm 31/12/2013, đơn vị đã góp đủ vốn điều lệ.

2. Hoạt động kinh doanh của Công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, bảo hành, kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử và tin học. Xuất nhập khẩu thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, vật tư, sản phẩm điện, điện tử, tin học. Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng, cửa hàng, cửa hiệu, nhà hàng, siêu thị, kho tàng, bến bãi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. Dịch vụ du lịch, lữ hành, trò chơi giải trí, trang trí. Các dịch vụ sửa chữa, lắp đặt, bảo hành, bảo trì các sản phẩm điện, điện tử, tin học. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Bán lẻ thiết bị viễn thông.
....

Trụ sở

Trụ sở của Công ty đặt tại: 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM.

Thông tin chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty CP Điện tử Biên Hòa tại Hà Nội. Địa chỉ: 178 Phố Bà Triệu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
- Chi nhánh Công ty CP Điện tử Biên Hòa - Trung tâm Thương Mại và Dịch vụ. Địa chỉ: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM
- Chi nhánh Công ty CP Điện tử Biên Hòa - Nhà máy sản xuất tại khu công nghiệp Biên Hòa 1. Địa chỉ: Khu CN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Dũng	Chủ Tịch HĐQT
Ông Trần Đình Khôi	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Khoa Tân	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Ngọc Thảo	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ông Võ Văn Chúng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Vi Minh	Thành viên Ban Kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

Địa chỉ: 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hoàng Nam	Kế toán trưởng

4. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Đình Khôi.

5. Kiểm toán viên

Chi Nhánh Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

6. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt cho Ban Giám đốc



TRẦN ĐÌNH KHÔI

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2015

Số: 14015.11/2014/BCKT.TC-KSiTB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty Cổ Phần Điện Tử Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Điện Tử Biên Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong kỳ, đơn vị đã ghi nhận khoản doanh thu 2.586.384.957 đồng trong khi đơn vị vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa. Việc ghi nhận doanh thu này không phù hợp theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu không ghi nhận khoản doanh thu nêu trên thì các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán sẽ thay đổi. Cụ thể khoản mục “hàng tồn kho” tăng thêm là 2.344.832.180 đồng, khoản mục “phải thu của khách hàng” giảm 2.845.023.452 đồng, khoản mục “thuế và các khoản phải nộp nhà nước” giảm 258.638.495 đồng. Đồng thời, trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “giá vốn hàng bán” giảm 2.344.832.180 đồng, chỉ tiêu “tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” giảm 241.552.777 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Điện Tử Biên Hòa tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi Nhánh Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam**NGUYỄN VĂN HẬU****Phó Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1340-2013-046-1

LÊ VĂN TRẮNG**Kiểm toán viên**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1829-2013-046-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.750.122.401	40.408.262.572
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.1	3.441.801.520	15.357.623.054
Tiền	111		3.441.801.520	6.357.623.054
Các khoản tương đương tiền	112		-	9.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	IV.2	-	5.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	IV.3	15.578.629.722	10.592.364.448
Phải thu của khách hàng	131		17.132.787.983	9.325.505.987
Trả trước cho người bán	132		3.214.505.031	1.423.360.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		339.159.000	1.010.498.461
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.107.822.292)	(1.167.000.000)
Hàng tồn kho	140	IV.4	13.498.651.292	9.097.402.935
Hàng tồn kho	141		13.498.651.292	9.097.402.935
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.231.039.867	360.872.135
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.5b	13.567.150	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	IV.5a	911.497.218	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	IV.5a	107.112.939	262.372.135
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	IV.5b	198.862.560	98.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số: B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.028.049.290	40.045.807.017
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.500.000	338.800.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218	IV.6	15.500.000	338.800.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		2.959.073.981	224.195.544
Tài sản cố định hữu hình	221	IV.7	2.596.918.738	10.765.181
- Nguyên giá	222		11.845.015.915	16.826.310.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.248.097.177)	(16.815.545.809)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
TSCĐ vô hình	227	IV.8	212.155.243	213.430.363
- Nguyên giá	228		315.456.001	315.456.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.300.758)	(102.025.638)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV.9	150.000.000	-
Bất động sản đầu tư	240	IV.10	8.448.731.161	8.683.541.473
- Nguyên giá	241		19.031.531.639	19.064.384.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(10.582.800.478)	(10.380.843.166)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	IV.11	14.291.450.000	30.799.270.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.178.000.000	1.178.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		29.621.270.000	29.621.270.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(16.507.820.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260		5.313.294.148	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.12	276.360.000	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	IV.20	5.036.934.148	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		64.778.171.691	80.454.069.589

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số: B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.438.993.142	6.084.261.603
Nợ ngắn hạn	310		5.166.293.142	3.176.061.603
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	IV.13	2.298.905.590	72.397.350
Người mua trả tiền trước	313	IV.14	201.097.998	2.102.158
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV.16	455.158.865	299.389.493
Phải trả người lao động	315	IV.15	894.650.000	1.226.794.000
Chi phí phải trả	316		-	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	319	IV.17	843.797.983	710.132.916
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	IV.18	472.682.706	865.245.686
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330	IV.19	3.272.700.000	2.908.200.000
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		2.172.700.000	2.158.200.000
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		1.100.000.000	750.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.339.178.549	74.369.807.986
Vốn chủ sở hữu	410	IV.21	56.339.178.549	74.369.807.986
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		8.888.657.853	8.888.657.853
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.228.803.979	3.174.659.979
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		52.195.500	52.195.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(15.830.478.783)	2.254.294.654
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		64.778.171.691	80.454.069.589

TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG

Khoản mục	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Nợ khó đòi đã xử lý		969.789.790	-
2. Ngoại tệ các loại_USD		15.770,68	3.904,51

Người lập biểu



PHẠM HỒNG BÌNH

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



BÙI HOÀNG NAM

Tổng Giám đốc



TRẦN ĐÌNH KHÔI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.1	59.858.516.624	46.824.279.238
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.2	59.858.516.624	46.824.279.238
Giá vốn hàng bán	11	V.3	46.819.742.107	40.263.586.511
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.038.774.517	6.560.692.727
Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.4	1.604.016.663	2.432.865.242
Chi phí tài chính	22	V.5	16.521.953.724	54.432
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	V.6	6.072.326.000	2.493.717.082
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.7	15.666.540.386	5.342.274.661
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(23.618.028.930)	1.157.511.794
Thu nhập khác	31		2.210.295.399	43.700.857
Chi phí khác	32		1.812.176	20.288.479
Lợi nhuận khác	40		2.208.483.223	23.412.378
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(21.409.545.707)	1.180.924.172
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.8	263.017.878	98.038.675
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.9	(5.036.934.148)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(16.635.629.437)	1.082.885.497
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			1.805

Người lập biểu



PHẠM HỒNG BÌNH

Hà Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



BÙI HOÀNG NAM

Tổng Giám đốc



TRẦN ĐÌNH KHÔI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số: B03 - DN

Theo phương pháp trực tiếp

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		58.404.504.588	50.626.975.456
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(54.658.965.249)	(34.583.385.292)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(8.584.187.000)	(7.116.673.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(145.545.039)	(768.741.019)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		3.781.970.330	4.613.394.493
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(17.496.319.427)	(6.432.257.342)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.698.541.797)	6.339.313.296
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.199.710.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.000.000.000)	(95.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.000.000.000	103.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.602.664.168	2.430.430.288
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.802.374.168	10.430.430.288
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.020.899.400)	(3.570.698.805)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.020.899.400)	(3.570.698.805)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11.917.067.029)	13.199.044.779
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.357.623.054	2.163.262.412
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.245.495	(4.684.137)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.441.801.520	15.357.623.054

Người lập biểu



PHẠM HỒNG BÌNH

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



BÙI HOÀNG NAM



Tổng Giám Đốc

TRẦN ĐÌNH KHÔI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh toán cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá gốc hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

Hàng tồn kho được lập dự phòng: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

6. Tài sản cố định vô hình và khấu trừ

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư

Khấu hao bất động sản đầu tư: Phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính Việt Nam.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc và giá trị được lập dự phòng của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Được phản ánh theo giá gốc, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc ban đầu thì khoản đầu tư này được lập dự phòng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư nhỏ hơn giá trị gốc thì Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá đầu tư.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được xác định theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Tài sản tài chính bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, khoản cho vay và các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính

Công nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Công nợ tài chính bao gồm khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

19. Thông tin bộ phận

Bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải hình thức pháp lý

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt [1]	669.397.385	710.293.795
<u>[1] Trong đó:</u>		
+ Tiền Việt Nam	618.746.921	660.144.000
+ Ngoại tệ	\$ 2.384,00 50.650.464	50.149.795
 Tiền gửi ngân hàng [2]	 2.772.404.135	 5.647.329.259
<u>[2] Trong đó:</u>		
+ Tiền gửi tại Sacombank CN Q.4	1.682.349.332	830.954.847
+ Tiền gửi tại Seabank	-	113.102.636
+ Tiền gửi tại Saigonbank Tp.HCM	707.162.836	4.476.786.241
+ Tiền gửi USD tại Saigonbank Tp.HCM	\$ 4.026,68 85.550.843	31.985.448
+ Tiền gửi tại Saigonbank CN Hà Nội	3.802.364	13.467.127
+ Tiền gửi tại Agribank CN Sài Gòn	293.538.760	181.032.960
 Khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	 -	 9.000.000.000
	3.441.801.520	15.357.623.054
 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	 Cuối năm	 Đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác	-	5.000.000.000
	-	5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng (Phụ lục 1)	17.132.787.983	9.325.505.987
Trả trước cho người bán (Phụ lục 2)	3.214.505.031	1.423.360.000
Phải thu khác [3]	339.159.000	1.010.498.461
[3] Trong đó:		
+ Cù Khắc Vĩnh Phúc	-	969.789.790
+ Phải thu CBCNV về BH, thuế TNCN	10.859.000	40.708.671
+ Tiền bán cổ phiếu trả chậm	328.300.000	
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.107.822.292)	(1.167.000.000)
	15.578.629.722	10.592.364.448
4. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	713.197.286	918.935.744
Công cụ, dụng cụ	1.136.418	2.498.122
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.235.906.147	26.524.450
Thành phẩm	10.507.371.307	8.057.194.619
Hàng hóa	1.041.040.134	92.250.000
	13.498.651.292	9.097.402.935
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước và tài sản lưu động khác		
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	911.497.218	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	90.932.160	208.404.999
Thuế thu nhập cá nhân	15.544.943	53.967.136
Thuế sử dụng đất	635.836	-
	1.018.610.157	262.372.135
b. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước	13.567.150	-
Tạm ứng	-	98.500.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	198.862.560	-
+ Ngân hàng Sài Gòn công thương - \$ 9.360	212.429.710	98.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

6. Phải thu dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu dài hạn khác [5]	15.500.000	338.800.000
<u>[5] Trong đó:</u>		
+ Đặt cọc Taxi Mailinh	10.000.000	10.000.000
+ Đặt cọc thuê bình nước	500.000	500.000
+ Đặt cọc Taxi Vinasun	5.000.000	-
+ Tiền bán cổ phiếu trả chậm		328.300.000
	15.500.000	338.800.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

7. Tài sản cố định hữu hình

<u>Khoản mục</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận chuyển</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	5.494.570.018	5.491.848.606	5.456.021.323	383.871.043	16.826.310.990
Tăng trong kỳ	210.958.862	79.000.000	2.354.251.818	-	2.644.210.680
+ Mua sắm mới	-	-	2.354.251.818	-	2.354.251.818
+ Đầu tư XD/CB hoàn thành	210.958.862	79.000.000			289.958.862
Giảm trong kỳ	14.400.000	4.242.203.842	3.025.121.779	343.780.134	7.625.505.755
+ Chuyển sang CCDC	14.400.000	148.685.060	246.768.816	343.780.134	753.634.010
+ Thanh lý, nhượng bán		4.093.518.782	2.778.352.963		6.871.871.745
Tại ngày 31/12/2014	5.691.128.880	1.328.644.764	4.785.151.362	40.090.909	11.845.015.915
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	5.494.570.018	5.481.083.425	5.456.021.323	383.871.043	16.815.545.809
Khấu hao trong kỳ	5.859.968	12.959.625	39.237.530	-	58.057.123
Chuyển sang CCDC	14.400.000	148.685.060	246.768.816	343.780.134	753.634.010
Thanh lý, nhượng bán		4.093.518.782	2.778.352.963		6.871.871.745
Tại ngày 31/12/2014	5.486.029.986	1.251.839.208	2.470.137.074	40.090.909	9.248.097.177
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	-	10.765.181	-	-	10.765.181
Tại ngày 31/12/2014	205.098.894	76.805.556	2.315.014.288	-	2.596.918.738

Ghi chú: Tài sản cố định giảm trong kỳ là do chuyển sang CCDC do không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ theo TT 45/2013/TT-BTC và thanh lý, nhượng bán. Các TSCĐ hết khấu hao hiện vẫn được sử dụng tại đơn vị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền sử dụng nhà	Bản quyền, sáng chế, nghiên cứu	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	63.636.364	195.992.522	-	55.827.115	315.456.001
Tại ngày 31/12/2014	63.636.364	195.992.522	-	55.827.115	315.456.001
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	7.000.019	39.198.504	-	55.827.115	102.025.638
Khấu hao trong kỳ	1.275.120	-	-	-	1.275.120
Tại ngày 31/12/2014	8.275.139	39.198.504	-	55.827.115	103.300.758
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	56.636.345	156.794.018	-	-	213.430.363
Tại ngày 31/12/2014	55.361.225	156.794.018	-	-	212.155.243

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	150.000.000	-
	150.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

10. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	3.811.392.900	13.156.179.820	2.096.811.919	19.064.384.639
Tăng trong năm				
Giảm trong năm (Chuyển sang CCDC)			32.853.000	32.853.000
Tại ngày 31/12/2014	3.811.392.900	13.156.179.820	2.063.958.919	19.031.531.639
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	1.463.574.896	6.820.456.351	2.096.811.919	10.380.843.166
Tăng trong năm	58.817.988	175.992.324		234.810.312
Giảm trong năm (Chuyển sang CCDC)	-		32.853.000	32.853.000
Tại ngày 31/12/2014	1.522.392.884	6.996.448.675	2.063.958.919	10.582.800.478
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2014	2.347.818.004	6.335.723.469	-	8.683.541.473
Tại ngày 31/12/2014	2.289.000.016	6.159.731.145	-	8.448.731.161

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Cuối năm

Đầu năm

a. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đầu tư vào Công ty Cổ Phần Belco Hà Nội	1.178.000.000	1.178.000.000
---	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

b. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (*)	29.621.270.000	29.621.270.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (**)	(16.507.820.000)	-
	14.291.450.000	30.799.270.000

Ghi chú: () Chi tiết: 1.498.680 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ Phiếu.*

*(**) Chi tiết:*

Tên cổ phiếu/ Doanh nghiệp	Giá mua sổ sách	Số lượng CP	Giá thị trường tại 31/12/2014	Tổng giá trị CP theo giá thị trường tại 31/12/2014	Chênh lệch giá sổ sách - giá thị trường
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (SaiGon Bank)	29.621.270.000	1.498.680	8.750	13.113.450.000	16.507.820.000

Giá thị trường của mã cổ phiếu này là giá trung bình của 3(ba) bảng báo giá của 3 công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán	Giá cổ phiếu
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn SSI	8.000
Công ty CP chứng khoán Bản Việt	8.250
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Bank BERJAYA	10.000
Giá trung bình	8.750

12. Tài sản dài hạn khác

a. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí dịch vụ tư vấn cho thuê VP chờ phân bổ	276.360.000	-
	276.360.000	-

13. Phải trả cho người bán

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả cho người bán (Phụ lục 2)	2.298.905.590	72.397.350
	2.298.905.590	72.397.350

14. Người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Người mua trả tiền trước (Phụ lục 1)	201.097.998	2.102.158
	201.097.998	2.102.158

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại :	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	5.036.934.148	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.036.934.148	-



030
TRÁ
K
B

02
JN
Đ
ĐIỂN
HIỆP
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

21. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013							
Số dư tại ngày 01/01/2013	60.000.000.000	7.119.091	8.682.878.580	2.968.880.706	52.195.500	4.994.526.249	76.705.600.126
Lãi trong kỳ						1.082.885.497	1.082.885.497
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(411.558.546)	(411.558.546)
Trích lập Quỹ			205.779.273	205.779.273		(411.558.546)	-
Chia cổ tức						(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Chênh lệch tỷ giá		(7.119.091)					(7.119.091)
Số dư tại ngày 31/12/2013	60.000.000.000	-	8.888.657.853	3.174.659.979	52.195.500	2.254.294.654	74.369.807.986
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014							
Số dư tại ngày 01/01/2014	60.000.000.000	-	8.888.657.853	3.174.659.979	52.195.500	2.254.294.654	74.369.807.986
Lãi trong kỳ						(16.635.629.437)	(16.635.629.437)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(195.000.000)	(195.000.000)
Trích lập Quỹ				54.144.000		(54.144.000)	-
Chia cổ tức						(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	60.000.000.000	-	8.888.657.853	3.228.803.979	52.195.500	(15.830.478.783)	56.339.178.549



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu		Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Tổng Công ty CP Điện Tử và Tin Học Việt Na	51%	30.600.000.000	30.600.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	49%	29.400.000.000	29.400.000.000
		60.000.000.000	60.000.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Cuối năm	Đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
Vốn góp đầu kỳ		60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ		60.000.000.000	60.000.000.000
V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu bán hàng hoá		49.304.662.877	41.277.682.700
Doanh thu cung cấp dịch vụ		10.553.853.747	5.546.596.538
		59.858.516.624	46.824.279.238
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm		49.304.662.877	41.277.682.700
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		10.553.853.747	5.546.596.538
		59.858.516.624	46.824.279.238
3. Giá vốn hàng bán		Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán		45.752.813.952	37.548.410.652
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		1.066.928.155	2.715.175.859
		46.819.742.107	40.263.586.511
4. Doanh thu hoạt động tài chính		Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi		1.078.126.168	1.533.295.768
Cổ tức, lợi nhuận được chia		524.538.000	894.785.087
Lãi chênh lệch tỷ giá		1.352.495	4.784.387
		1.604.016.663	2.432.865.242

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch/ số dư trọng yếu trong kỳ

Bên liên quan

Công ty Cổ Phần Belco Hà Nội
Ông Nguyễn Anh Dũng
Ông Trần Đình Khôi
Ông Đặng Vĩnh Thành
Ông Đỗ Khoa Tân
Bà Trần Thị Ngọc Thảo
Ông Võ Thuận

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ hoạt động

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nghiệp vụ</u>	<u>VND</u> <u>Số tiền</u>
Công ty Cổ Phần Belco Hà Nội	Mua hàng	3.754.740.000
	Doanh thu bán hàng	5.917.588.385
	Thu tiền bán hàng	6.120.099.890
	Cần trừ công nợ năm 2014	635.062.150
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thù lao phải trả HĐQT, BKS	36.000.000
Ông Trần Đình Khôi	Thù lao phải trả HĐQT, BKS	20.000.000
Ông Đặng Vĩnh Thành	Thù lao phải trả HĐQT, BKS	30.000.000
Ông Đỗ Khoa Tân	Thù lao phải trả HĐQT, BKS	30.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Thảo	Thù lao phải trả HĐQT, BKS	30.000.000
Ông Võ Thuận	Thù lao phải trả HĐQT, BKS	10.000.000
		156.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31/12/2014

Bên liên quan	Nghiệp vụ	VND Phải thu (Phải trả)
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ Phần Belco Hà Nội	Công nợ bán hàng	473.191.295
		<u>473.191.295</u>
Đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty Cổ Phần Belco Hà Nội	Đầu tư vào công ty liên kết	1.178.000.000
		<u>1.178.000.000</u>

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động yêu cầu phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

3. Báo cáo bộ phận:**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Thành phẩm	Hàng hóa	Cho thuê Văn phòng	Khác	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	48.388.987.314	624.658.300	9.686.996.297	1.157.874.713	59.858.516.624
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.388.987.314	624.658.300	9.686.996.297	1.157.874.713	59.858.516.624
- Doanh thu thuần bán hàng nội bộ					-
2. Chi phí	44.842.095.751	556.340.717	1.054.528.155	366.777.484	46.819.742.107
- Giá vốn hàng bán bên ngoài	44.842.095.751	556.340.717	1.054.528.155	366.777.484	46.819.742.107
- Giá vốn hàng bán nội bộ					-
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.546.891.563	68.317.583	8.632.468.142	791.097.229	13.038.774.517

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:

Các khoản vay	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.441.801.520
Nợ thuần	(3.441.801.520)
Vốn chủ sở hữu	56.339.178.549
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-6%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại phần Thuyết minh số III.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.441.801.520	15.357.623.054
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.364.124.691	9.169.004.448
Phải thu dài hạn khác	15.500.000	338.800.000
Tổng cộng	15.821.426.211	24.865.427.502

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Công nợ tài chính

Vay và nợ ngắn hạn	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.142.703.573	782.530.266
Vay và nợ dài hạn	-	-
	<u>3.142.703.573</u>	<u>782.530.266</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư số 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư số 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư...

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Ban Giám đốc của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích của quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.441.801.520		3.441.801.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.364.124.691		12.364.124.691
Phải thu dài hạn khác	-	15.500.000	15.500.000
Tổng cộng	15.805.926.211	15.500.000	15.821.426.211

Tại ngày 31/12/2014			
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.142.703.573	-	3.142.703.573
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	3.142.703.573	-	3.142.703.573

Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.357.623.054	-	15.357.623.054
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.169.004.448	-	9.169.004.448
Phải thu dài hạn khác	-	338.800.000	338.800.000
Tổng cộng	24.526.627.502	338.800.000	24.865.427.502

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 31/12/2013

Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	782.530.266	-	782.530.266
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	782.530.266	-	782.530.266

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Người lập biểu



PHẠM HỒNG BÌNH

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



BÙI HOÀNG NAM

Tổng Giám đốc



TRẦN ĐÌNH KHÔI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

Phu lục 1 : PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đơn vị	Nợ Cuối kỳ	Có Cuối kỳ
1	Công ty CP Belco Hà Nội	473.191.295	-
2	Công ty TNHH Chiến Thắng	54.414.600	-
3	DNTN Đông Hưng	57.673.000	-
4	Cơ sở Kinh doanh Nguyễn Văn Hiến	1.375.000	-
5	Cơ sở Kinh doanh Phạm Văn Sơn	67.682.175	-
6	Cơ sở Kinh doanh Quách Vinh Đạt	-	1.097.998
7	Công ty TNHH TM Dịch vụ Hưng Lợi I	612.047.201	-
8	Công ty TNHH Tín Dũng	601.192.075	-
9	Cửa hàng Điện máy Nguyễn Thị Mộng Ngọc	39.115.800	-
10	Cửa hàng Điện máy Nguyễn Tuấn Thanh	213.604.600	-
11	Cửa hàng Điện máy Thành Thảo	65.116.150	-
12	Cửa hàng Điện máy Thanh Xuân (Liên)	87.606.200	-
13	Cửa hàng Điện máy Vạn Lợi	17.878.550	-
14	Cửa hàng Tâm 90	322.163.412	-
15	Điện tử Minh Đức	33.884.000	-
16	DNTN TM Thu Thủy	45.719.312	-
17	DNTN Điện máy Nguyễn	89.197.150	-
18	DNTN Hùng Phước	185.261.250	-
19	CN Công ty TNHH TM XNK Thiên Ân	16.638.340	-
20	Công ty CP Viettronics Tân Bình (VTB)	3.044.800	-
21	Công ty TNHH Đầu tư TM DV Sao Sáng VN	329.699.000	-
22	Công ty TNHH Điện Gia dụng Vina	4.105.860	-
23	Công ty TNHH Điện máy Tân Tạo	1.628.021.597	-
24	Công ty TNHH Khu mua sắm Đệ Nhất Phan Khang	537.193.193	-
25	Công ty TNHH Thương mại Gia Thành	115.005.000	-
26	Công ty TNHH Thương mại Nam Thiên An	608.450.616	-
27	Công ty TNHH TM Một Bốn Sáu	24.705.171	-
28	Công ty CP DV Bưu chính Viễn Thông Sài Gòn (SPT)	3.523.472.747	-
29	Công ty CP DV Bưu chính Viễn Thông Sài Gòn (SPT) mới	4.503.764.247	-
30	Công ty TNHH MTV TM KT Nhật Hào Huy	11.624.999	-
31	Công ty TNHH Thu Ngân	97.880.000	-
32	Cửa hàng Điện tử Thiệu	48.434.543	-
33	DNTN Ánh Ngân	41.458.742	-
34	Công ty TNHH SX-TM-DV Bạch Việt	-	200.000.000
35	Công ty CP Điện tử và Tin Học Đà Nẵng	367.600.530	-

1548
H Y
JUN
AI
C
10A
MINH
S.O.K.K.D.36
QUA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

Phụ lục 1 : PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đơn vị	Nợ Cuối kỳ	Có Cuối kỳ
36	Công ty TNHH MTV ĐM Hiệp Phát Gia Lai	302.757.900	-
37	Công ty TNHH TM Dịch vụ Phùng Lan	843.775.135	-
38	Công ty TNHH Trần Ngọc Ánh	39.611.000	-
39	Công ty TNHH Điện tử - Tin học Từ Sơn	81.434.100	-
40	Công ty TNHH TM & DV Thanh Phón	88.045.000	-
41	Cửa hàng Điện máy Đình Toán	76.496.200	-
42	Cửa hàng Điện máy Duy Truyền	231.362.877	-
43	Cửa hàng Điện máy Quốc Huấn	361.776.110	-
44	Cửa hàng Điện máy Vi Tuấn	58.279.000	-
45	Cửa hàng Dũng Thảo	54.836.500	-
46	Cửa hàng Hà Dũng	95.263.726	-
47	Cửa hàng Trương Thành Vinh	70.929.280	-
Tổng cộng		17.132.787.983	201.097.998

CH
AN

02
NG
P
DI
HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

Phụ lục 2 : PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đơn vị	Nợ cuối kỳ		Có cuối kỳ	
		VND	USD	VND	USD
1	HANGZHOU HIKVISION TECHNOLOGY CO., LTD	380.772.931	17.772,55	-	-
2	K-TRONICS (SU ZHOU)TECHNOLOGY CO., LTD	239.568.000	11.200,00	-	-
3	SHENZHEN FUDIO TECHNOLOGY CP., LTD	462.780.000	21.600,00	-	-
4	BOEVT (HONG KONG) CO., LIMITED	971.106.000	45.400,00	-	-
5	FOSHAN WANBAO KING ELECTRONICS CO., LTD	668.304.000	31.200,00	-	-
6	JOVISION TECHNOLOGY CO., LTD	9.255.600	432,00	-	-
7	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG LÂM NGUYỄN	-	-	5.574.250	-
8	CÔNG TY CP VL-XD CHẤT ĐÓT ĐÔNG NAI	-	-	38.703.700	-
9	CÔNG TY TNHH TM SX DV ĐT VẠN THÀNH LỢI	377.916.000	-	-	-
10	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MIANLAN	-	-	1.330.560.000	-
11	CÔNG TY TNHH SX-TM CƠ ĐIỆN VĨNH LỘC	11.000.000	-	-	-
12	CÔNG TY TNHH TM SX DV XD QUANG MINH ĐÌNH	-	-	348.414.000	-
13	CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ TM XD HOÀNG KHANG	-	-	32.068.608	-
14	DNTN THƯƠNG MẠI BÁ TOÀN	-	-	3.300.000	-
15	CÔNG TY TNHH TM SHINOBI	-	-	129.560.032	-
16	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ ĐẤT VIỆT	93.802.500	-	-	-
17	CỬA HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN-ĐIỆN TỬ THIÊN PHÚC	-	-	410.725.000	-
TỔNG CỘNG		3.214.505.031	127.604,55	2.298.905.590	

